

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận điểm trúng tuyển vào các ngành đào tạo trình độ đại học
hình thức đào tạo chính quy, đợt 1, năm 2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10/12/2025;

Căn cứ Quyết định số 614/QĐ-ĐHTN ngày 01/4/2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo đại học của trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2521/QĐ-ĐHTN ngày 22/12/2025 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội Đồng tuyển sinh năm 2026 của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ kết luận tại cuộc họp ngày 08/8/2026 của Hội đồng tuyển sinh trường Đại học Tây Nguyên;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận điểm trúng tuyển vào các ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo các phương thức xét tuyển, đợt 1 năm 2026 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Thường trực hội đồng tuyển sinh căn cứ điểm trúng tuyển quy định tại Điều 1 để xác định và ban hành Quyết định công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển.

Điều 3. Thường trực hội đồng tuyển sinh, Phòng Đào tạo và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo trường (để b/c);
- Các Khoa;
- Phòng CTSV, TTPC;
- Phòng Đào tạo (đăng Website);
- Lưu: VT, ĐT (Hi)

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thanh Trúc

Phụ lục
DANH SÁCH ĐIỂM TRÚNG TUYỂN THEO NGÀNH, ĐỢT 1, NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHTN ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Mã XT	Tên ngành xét tuyển	Điểm chuẩn theo phương thức xét tuyển			
			100 — Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (Gốc)	405 — Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển (Gốc)	200 — Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	402 — Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực do đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức để xét tuyển
1	7140201	Giáo dục Mầm non	-	22.51	-	-
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	22.26	-	-	882.1
3	7140202JR	Giáo dục Tiểu học - Tiếng Jrai	21.01	-	-	837.36
4	7140205	Giáo dục Chính trị	24.4	-	-	949.6
5	7140206	Giáo dục Thể chất	-	25.95	-	-
6	7140209	Sư phạm Toán học	24.37	-	-	949.48
7	7140211	Sư phạm Vật lý	24.18	-	-	945.08
8	7140212	Sư phạm Hóa học	23.94	-	-	933.32
9	7140213	Sư phạm Sinh học	21.5	-	-	855
10	7140217	Sư phạm Ngữ văn	24.61	-	-	953.52
11	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	24.15	-	-	943.4
12	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	22.38	-	-	883.8
13	7220201	Ngôn ngữ Anh	21.72	-	24.48	862.92
14	7229001	Triết học	20.58	-	23.58	822.56
15	7229030	Văn học	23.33	-	25.55	913.84
16	7310101	Kinh tế	19.09	-	22.09	768.5
17	7310105	Kinh tế phát triển	17.8	-	20.8	723
18	7310403	Tâm lý học giáo dục	22.28	-	24.85	882.3
19	7340101	Quản trị kinh doanh	19.25	-	22.25	776

TT	Mã XT	Tên ngành xét tuyển	Điểm chuẩn theo phương thức xét tuyển			
			100 — Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (Gốc)	405 — Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển (Gốc)	200 — Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	402 — Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực do đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức để xét tuyển
20	7340121	Kinh doanh thương mại	20.33	-	23.33	813.88
21	7340201	Tài chính - Ngân hàng	20.23	-	23.23	810.04
22	7340205	Công nghệ tài chính	18.61	-	21.61	751.52
23	7340301	Kế toán	19.49	-	22.49	783.53
24	7420201	Công nghệ sinh học	18.33	-	21.33	743.24
25	7420201YD	Công nghệ sinh học Y Dược	16	-	19	656
26	7480201	Công nghệ thông tin	18.57	-	21.57	750.24
27	7540101	Công nghệ thực phẩm	17.49	-	20.49	712.53
28	7620105	Chăn nuôi	15	-	18	618
29	7620110	Khoa học cây trồng	15	-	18	618
30	7620112	Bảo vệ thực vật	15	-	18	618
31	7620115	Kinh tế nông nghiệp	18.3	-	21.3	742.4
32	7620205	Lâm sinh	15	-	18	618
33	7640101	Thú y	17.19	-	20.19	700.6
34	7720101	Y khoa	23	-	-	909
35	7720301	Điều dưỡng	18	-	-	729
36	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	18	-	-	729
37	7850103	Quản lý đất đai	18.49	-	21.49	747.72

1. Nguồn xét tuyển vào chương trình đào tạo trình độ đại học là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026; Mức điểm này không

bao gồm điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng) và điểm thưởng.

Không sử dụng điểm quy đổi từ chứng chỉ Ngoại ngữ sang chứng chỉ tiếng Anh để xác định nguồn tuyển;

Quy định này không áp dụng đối với thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT và thí sinh tuyển thẳng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 (điểm a, c, d, đ), Khoản 3, Khoản 4 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh.

2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

2.1. Đối với phương thức sử dụng điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông (100):

- Đối với thí sinh ở khu vực 3 có mức điểm tối thiểu (không nhân hệ số - chưa bao gồm điểm ưu tiên đối tượng tuyển sinh) của tất cả các tổ hợp xét tuyển (theo mã xét tuyển) gồm 3 bài thi / môn thi, không bao gồm điểm cộng, không phân biệt kết quả của thí sinh học chương trình THPT 2006 và 2018 như sau:

+ Đối với các mã xét tuyển thuộc nhóm ngành đào tạo Giáo viên: 20 điểm

+ Đối với các mã xét tuyển thuộc ngành y khoa: 22 điểm

+ Đối với các mã xét tuyển thuộc ngành Điều dưỡng, ngành kỹ thuật xét nghiệm y học: 18 điểm

- Thí sinh ở các khu vực khác, thí sinh được hưởng điểm điểm ưu tiên theo đối tượng tuyển sinh được tính điểm ưu tiên xét tuyển theo quy định của quy chế tuyển sinh khi xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

- Không sử dụng điểm quy đổi chứng chỉ Ngoại ngữ thành điểm môn Tiếng Anh khi xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

2.2. Đối với phương thức Kết hợp điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông và điểm thi năng khiếu (405):

- Đối với thí sinh ở khu vực 3 (không nhân hệ số - chưa bao gồm điểm ưu tiên đối tượng tuyển sinh), có mức điểm tối thiểu của

môn văn hóa (Toán hoặc Văn) trong tổ hợp xét tuyển như sau:

Điểm môn văn hóa $\geq$ (Điểm ngưỡng đầu vào theo quy định / 3)

Trong đó:

Điểm ngưỡng đầu vào quy định đối với ngành Giáo dục mầm non là 22 điểm, đối với ngành Giáo dục thể chất là 19 điểm.

- Thí sinh ở khu vực khác, thí sinh được hưởng điểm ưu tiên theo đối tượng tuyển sinh được tính điểm ưu tiên theo quy chế tuyển sinh khi xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, mức điểm ưu tiên được hưởng khi xác định ngưỡng đầu vào là 1/3 mức điểm ưu tiên.

2.3. Đối với phương thức sử dụng kết quả học tập bậc trung học phổ thông (200), Phương thức sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh (402):

- Đối với các mã xét tuyển thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên, thí sinh đạt ngưỡng đầu vào theo quy định đối với phương thức xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc:

+ Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên, trừ các trường hợp quy định dưới đây;

+ Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên đối với các chương trình đào tạo Giáo dục thể chất;

- Đối với các mã tuyển sinh thuộc lĩnh vực sức khỏe, thí sinh ngưỡng đầu vào khi đạt quy định đối với phương thức xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc:

+ Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 20,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên theo thang điểm 10, trừ các trường hợp quy định dưới đây;

+ Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên đối với chương trình đào tạo Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học.

- Quy định về tổng điểm 3 môn thi tốt nghiệp trung học phổ thông chỉ áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp năm 2026, không áp dụng đối với các thí sinh khác; mức điểm này không bao gồm điểm ưu tiên và điểm cộng; không sử dụng điểm quy đổi từ chứng chỉ ngoại ngữ sang điểm môn tiếng Anh khi xác định ngưỡng đầu vào.

2.4. Miễn áp dụng ngưỡng đầu vào

Thí sinh là vận động viên cấp 1, vận động viên kiện tướng, vận động viên đã từng đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, thí sinh ngành Giáo dục thể chất có điểm thi năng khiếu do trường Đại học Tây Nguyên tổ chức đạt loại xuất sắc (có điểm trung bình các môn thi năng khiếu đạt từ 9,00 trở lên theo thang điểm 10) khi đăng ký xét tuyển vào ngành Giáo dục thể chất không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

3. Về điều kiện phụ trong tuyển sinh (điều kiện sơ tuyển)

Đối với các ngành có tổ chức thi năng khiếu (Giáo dục mầm non, Giáo dục thể chất), điểm môn thi năng khiếu của thí sinh phải lớn hơn hoặc bằng 5 điểm.